

Số: 43/GTr-CAG

An Giang, ngày 13 tháng 08 năm 2024

V/v: Giải trình chênh lệch lợi  
nhuận sau thuế BCTC giữa niên  
độ đã kiểm toán năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

1. Tổ chức đại chúng: Công ty Cổ phần Cảng An Giang

2. Mã chứng khoán: CAG

3. Trụ sở chính: Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,  
Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại: (0296) 3831 447 – (0296) 3831 535; Fax: (0296) 3831 129.

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600125108 do Sở Kế hoạch và  
Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 29/03/2011, cấp thay đổi lần thứ 01 ngày  
11/01/2016.

5. Nội dung: Giải trình chênh lệch biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu  
năm 2024 so với năm 2023.

Theo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận sau thuế  
của Công ty Cổ phần Cảng An Giang giảm 2,4 tỷ đồng, tỷ lệ giảm so 6 tháng đầu  
năm 2023 (biến động hơn 10%). Công ty giải trình như sau:

ĐVT: đồng

Số tt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)x100
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.418.583.522	38.558.203.155	(19.139.619.633)	50,36
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.418.583.522	38.558.203.155	(19.139.619.633)	50,36
4.	Giá vốn hàng bán	19.149.068.972	31.050.616.001	(11.901.547.029)	61,67
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	269.514.550	7.507.587.154	(7.238.072.604)	3,59
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	1.762.226.907	1.768.364.731	(6.137.824)	99,65



Số tt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)x100
7.	Chi phí tài chính	-	275	(275)	0,00
8.	Chi phí bán hàng	652.201.741	677.898.183	(25.696.442)	96,21
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.661.744.126	4.840.354.837	(178.610.711)	96,31
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.282.204.410)	3.757.698.590	(7.039.903.000)	(87,35)
11.	Thu nhập khác	3.830.874.061	250	3.830.873.811	1532349624,40
12.	Chi phí khác	32.820.800	1.664.147	31.156.653	1972,23
13.	Lợi nhuận khác	3.798.053.261	(1.663.897)	3.799.717.158	(228.262,52)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	515.848.851	3.756.034.693	(3.240.185.842)	13,73
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(28.485.739)	778.679.339	(807.165.078)	-3,66
16.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	544.334.590	2.977.355.354	(2.433.020.764)	18,28

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 19 tỷ đồng, giá vốn hàng bán giảm 12 tỷ đồng làm cho lợi nhuận gộp giảm 7,2 tỷ đồng .

- Doanh thu tài chính giảm 6 triệu đồng, chi phí tài chính không đáng kể ,làm cho lợi nhuận giảm 6 triệu đồng .

- Chi phí bán hàng giảm 26 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 179 triệu đồng làm lợi nhuận tăng 205 triệu đồng .

- Thu nhập khác tăng 3,831 tỷ đồng , chi phí khác tăng 31 triệu đồng làm lợi nhuận khác tăng 3,8 tỷ đồng .

Chính 4 yếu tố trên và chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 807 triệu đồng làm tổng lợi nhuận sau thuế giảm 2,4 tỷ đồng .

Trên đây là giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 so với 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng An Giang, xin báo cáo đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, HNX và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thành Hiệp